

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2023/DS-ST  
Ngày 13-11-2023  
V/v tranh chấp thực hiện nghĩa vụ  
tài sản do người chết để lại

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Nhân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Văn Hiệp

Bà Nguyễn Hồng Phượng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 13-11-2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2023/TLST-DS ngày 12-6-2023 về việc tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 300/2023/QĐXXST-DS ngày 25-8-2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Quỹ Tín dụng Nhân dân T; địa chỉ trụ sở: Ấp C, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần P; địa chỉ liên hệ: Quỹ Tín dụng Nhân dân T - Ấp C, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo văn bản uỷ quyền số 19/2023/GUQ-HĐQT ngày 8-8-2023. (có mặt)

**- Bị đơn:**

+ Bà Lâm Thị U, sinh năm 1977; địa chỉ nơi cư trú: Nhà số 49 Ấp C, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1999; địa chỉ nơi cư trú: Nhà số 49 Ấp C, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 2005; địa chỉ nơi cư trú: Nhà số 49 Ấp C, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Thạch Thị S, sinh năm 1948; địa chỉ nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-3-2023, biên bản hoà giải ngày 14-8-2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn Quỹ Tín dụng Nhân dân T có người đại diện hợp pháp trình bày cho rằng Quỹ Tín dụng Nhân dân T có cho ông Nguyễn Văn H vay số tiền vốn 275.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng (từ ngày 30-7-2015 đến ngày 30-7-2016), lãi suất 1,5%/tháng, lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn, mục đích vay sinh hoạt gia đình, nuôi bò và bán tạp hoá, phương thức trả nợ là trả lãi hàng tháng, trả gốc cuối kỳ theo Hợp đồng tín dụng số 340/15/HĐTD ngày 30-7-2015. Từ khi vay vốn thì ông H chưa trả lãi + vốn cho Quỹ Tín dụng Nhân dân T; đến ngày 7-12-2015 thì ông H chết. Quỹ Tín dụng Nhân dân T đã nhiều lần đôn đốc thu hồi nợ nhưng vợ con ông H là bà Lâm Thị U và Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Trường G không hợp tác giải quyết. Tính từ ngày 30-7-2015 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm (ngày 13-11-2023) thì khoản vay này tổng nợ là 874.362.500 đồng, gồm 275.000.000 đồng tiền vốn vay và 599.362.500 đồng tiền lãi vay (trong đó 50.325.000 đồng lãi trong hạn + 549.037.500 đồng lãi quá hạn). Nay Quỹ Tín dụng Nhân dân T yêu cầu người thừa kế của ông H là bà Lâm Thị U và Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Trường G có nghĩa vụ trả số tiền trên cho Quỹ Tín dụng Nhân dân T và tiền lãi phát sinh đến khi tất toán xong hết nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 340/15/HĐTD ngày 30-7-2015 ký kết giữa Quỹ Tín dụng Nhân dân T và ông Nguyễn Văn H. Theo Quỹ Tín dụng Nhân dân T được biết thì ông H có tài sản là 2,4 công tầm cây đất lúa toạ lạc Ấp C, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do nhận chuyển nhượng từ ông Thạch C; sự việc này bà U có thừa nhận tại Biên bản hoà giải ngày 19-9-2018 tại Toà án nhân dân huyện M.

Tại biên bản hoà giải ngày 14-8-2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn bà Lâm Thị U trình bày cho rằng ông Nguyễn Văn H là chồng của bà; ông H đã chết ngày 7-12-2015; sinh thời bà và ông H có hai người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D và Nguyễn Trường G, ngoài ra ông H không có con riêng khác, cha mẹ ruột của ông H đều chết trước ông H; ông H chết không để lại di chúc và cũng không để lại tài sản gì. Hiện Quỹ Tín dụng Nhân dân T khởi kiện yêu cầu bà và hai con bà có nghĩa vụ trả khoản nợ vay mà ông H đã ký kết với Quỹ Tín dụng Nhân dân T thì bà không đồng ý. Do ông H vay tiền của Quỹ Tín dụng Nhân dân T như thế nào thì ông H tự làm bà hoàn toàn không biết và không có sử dụng tiền vay, cũng không có ký tên vào hợp đồng gì với Quỹ Tín dụng Nhân dân T. Phần đất lúa diện tích 2,4 công tầm cây toạ lạc Ấp C, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng mà Quỹ Tín dụng Nhân dân T đề cập cho rằng là tài sản của ông H để lại là không đúng, do đây là đất bà được ông ngoại bà cho sau đó bà

đối với ông Thạch C nên đất này là của bà chứ không phải là tài sản của ông H để lại.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Trường G đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại biên bản xác minh và biên bản lấy lời khai ngày 20-10-2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị S trình bày cho rằng cha ruột bà là ông Thạch C (sinh năm 1922) trú Ấp C, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng có phần đất thửa số 1154, tờ bản đồ số 02, toạ lạc Ấp C, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 462334 cho hộ ông C ngày 10-03-2000. Ông C chết năm 2008 và chỉ có bà S là con và là người thừa kế duy nhất. Năm 2012, bà S có đứng ra chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị U diện tích 2,4 công tầm cây thuộc một phần thửa 1154 trên với giá 09 chỉ vàng 24k/01 công tầm cây. Hai bên đã giao nhận đủ vàng, giao nhận đủ đất và bà có đưa bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 462334 trên cho ông H đi làm thủ tục tách quyền sử dụng đất phần nhận chuyển nhượng trên (vì tin tưởng ông H lúc đó là Trưởng ban nhân dân ấp C). Nhưng sau đó ông H tự tử chết và bà mới được biết ông H không đi làm thủ tục tách quyền sử dụng đất đã nhận chuyển nhượng của bà mà đã lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 462334 trên giao cho Quỹ Tín dụng Nhân dân T vay tiền; sự việc ông H sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà đi vay tiền với Quỹ Tín dụng Nhân dân T là bà hoàn toàn không biết. Đến ngày 04-01-2023, bà làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện M yêu cầu buộc Quỹ Tín dụng Nhân dân T trả lại cho bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 462334 và đã được Tòa án thụ lý, xét xử ngày 28-9-2023 buộc Quỹ Tín dụng Nhân dân T trả lại cho bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 462334 trên (Bản án số 123/2023/DSST ngày 28-9-2023). Sau khi bà được nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thì bà sẽ làm thủ tục tách quyền sử dụng đất phần đất diện tích 2,4 công tầm cây thuộc một phần thửa 1154 đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông H, bà U. Trong vụ việc tranh chấp tiền vay giữa Quỹ Tín dụng Nhân dân T với gia đình ông H, bà U thì bà không có yêu cầu hay ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về đòi nợ tiền vay đối với người thừa kế của ông H là bà U và chị D, anh G; bà U không đồng ý trả tiền nợ trên; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người

tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn bà U, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà S đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn D, G vắng mặt không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn là người thừa kế của ông H trả tiền vốn vay cùng tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ký kết giữa ông H và Quỹ tín dụng trong phạm vi di sản mà ông H chết để lại; tuyên án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Yêu cầu khởi kiện của Quỹ Tín dụng Nhân dân T là tranh chấp dân sự về *“thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 615 Bộ luật Dân sự; các bị đơn bà U, chị D, anh G cư trú Ấp C, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện M thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, bị đơn D và G được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà S vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu cá nhân ông H có nghĩa vụ nợ vay với Quỹ Tín dụng Nhân dân T, do ông H đã chết nên yêu cầu những người thừa kế của ông H là bà U, chị D, anh G có nghĩa vụ số tiền vốn vay 275.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, không đặt ra yêu cầu về hợp đồng thế chấp là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thừa nhận ông Nguyễn Văn H chết ngày 7-12-2015; cha mẹ của ông H đã chết trước ông Hải; ông H có vợ là bà Lâm Thị U và có con là Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Trường G, ngoài ra ông H không có con nuôi hay con ngoài giá thú. Ông H chết không để lại di chúc. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Quỹ Tín dụng Nhân dân T về nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 340/15/HĐTD ngày 30-7-2015. Thấy rằng, hợp đồng trên được ký kết giữa Quỹ Tín dụng Nhân dân T và ông H trên cơ sở ý chí tự nguyện thỏa thuận; tại Phụ lục hợp đồng, Giấy nhận nợ đề ngày 30-7-2015 thể hiện ông H đã nhận đủ tiền vốn vay 275.000.000 đồng nhưng đến ngày 7-12-2015 ông H chết và cho đến nay những người thừa kế của ông H là bà U, chị D, anh G cũng không

thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên. Vì vậy, Quỹ Tín dụng Nhân dân T yêu cầu bà U, chị D, anh G phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông H chết để lại là số tiền nợ là 874.362.500 đồng, gồm 275.000.000 đồng tiền vốn + tiền lãi tạm tính đến ngày 13-11-2023 là 599.362.500 đồng (trong đó 50.325.000 đồng lãi trong hạn + 549.037.500 đồng lãi quá hạn) là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự, Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và hướng dẫn tại Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[5] Tuy nhiên, khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự quy định *“những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thoả thuận khác”*. Cho đến thời điểm này, giữa Quỹ Tín dụng Nhân dân T và những người thừa kế của ông H không có thoả thuận khác, vì vậy, những người thừa kế của ông H gồm bà U, chị D, anh G phải có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ông H chết để lại. Cụ thể, nguyên đơn cho rằng ông H chết có để lại di sản là phần quyền sử dụng đất diện tích 2,4 công tầm cây toạ lạc Ấp C, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do nhận chuyển nhượng từ ông Thạch C, sự việc này bà U có thừa nhận tại Biên bản hoà giải ngày 19-9-2018 tại Toà án nhân dân huyện M. Bà U thì cho rằng diện tích đất trên bà được ông ngoại bà cho và sau đó bà đổi với ông Thạch C, nên quyền sử dụng đất này là tài sản riêng của bà chứ không phải là di sản của ông H chết để lại. Bà S là thừa kế duy nhất của ông Thạch C trình bày năm 2012 bà đứng ra chuyển nhượng diện tích 2,4 công tầm cây thuộc một phần thửa 1154, tờ bản đồ số 2, toạ lạc Ấp C, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cho vợ chồng ông Hải, bà U và hai bên đã giao nhận đủ tiền, đủ diện tích đất với nhau nhưng bà chưa làm thủ tục sang tên Quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Hải, bà U theo quy định pháp luật được. Xét thấy, năm 2012, ông H và bà U khi đó là vợ chồng cùng đứng ra nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 2,4 công tầm cây thuộc một phần thửa 1154, tờ bản đồ số 2, toạ lạc Ấp C, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 462334) từ bà S và sau khi ông H chết thì bà U tiếp tục quản lý diện tích đất này, chưa chia thừa kế. Nay bà U cho rằng diện tích 2,4 công tầm cây trên là tài sản của riêng bà nhưng bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Căn cứ Điều 27, Điều 28 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định quyền sử dụng đất trên là tài sản của vợ chồng ông Hải, bà Út, tuy nhiên, đến thời điểm này ông Hải, bà U vẫn chưa làm thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất trên theo quy định pháp luật.

[6] Xét thấy, khi còn sống ông H đứng ra giao dịch, xác lập hợp đồng tín dụng vay tiền của Quỹ Tín dụng Nhân dân T như phân tích ở đoạn [4] và chết không để lại di chúc. Nay Quỹ Tín dụng Nhân dân T khởi kiện yêu cầu buộc các thừa kế của ông H là bà U, chị D, anh G trả tiền vốn vay và lãi phát sinh cho Quỹ Tín dụng Nhân dân T là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử buộc các thừa kế của ông H là bà U, chị D, anh G phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông H chết để lại là trả tiền vay cho Quỹ Tín dụng Nhân dân T theo Hợp đồng tín dụng số 340/15/HĐTD ngày 30-7-2015 ký kết giữa Quỹ Tín dụng Nhân dân T với ông Nguyễn Văn H trong phạm vi tài sản do ông H để lại như đã phân tích ở đoạn [5].

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 27, Điều 28 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ Tín dụng Nhân dân T đối với bị đơn bà Lâm Thị U, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Trường G về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Xác định ông Nguyễn Văn H còn nợ Quỹ Tín dụng Nhân dân T số tiền nợ là 874.362.500 đồng, gồm 275.000.000 đồng tiền vốn + tiền lãi tính đến ngày 13-11-2023 là 599.362.500 đồng (trong đó 50.325.000 đồng lãi trong hạn + 549.037.500 đồng lãi quá hạn) theo Hợp đồng tín dụng số 340/15/HĐTD ngày 30-7-2015 ký kết giữa Quỹ Tín dụng Nhân dân T với ông Nguyễn Văn H.

Buộc các bị đơn bà Lâm Thị U, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Trường G có nghĩa vụ thanh toán cho Quỹ Tín dụng Nhân dân T tổng số tiền là 874.362.500 đồng, gồm 275.000.000 đồng tiền vốn + tiền lãi tính đến ngày 13-11-2023 là 599.362.500 đồng (trong đó 50.325.000 đồng lãi trong hạn + 549.037.500 đồng lãi quá hạn) và tiền lãi phát sinh từ ngày 14-11-2023 đến khi trả dứt nợ theo Hợp đồng tín dụng số 340/15/HĐTD ngày 30-7-2015 ký kết giữa Quỹ Tín dụng Nhân

dân T với ông Nguyễn Văn H. Kể từ ngày 14-11-2023, nếu các bị đơn bà Lâm Thị U, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Trường G không thanh toán số tiền nợ trên cho Quỹ Tín dụng Nhân dân T thì bị đơn bà Lâm Thị U, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Trường G còn phải trả lãi phát sinh với mức lãi suất quá hạn được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 340/15/HĐTD ngày 30-7-2015 trên số tiền vốn vay chưa thanh toán. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất của khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp số tiền phải trả cho Quỹ Tín dụng Nhân dân T theo Hợp đồng tín dụng số 340/15/HĐTD ngày 30-7-2015 lớn hơn phần tài sản do ông Nguyễn Văn H để lại thì bà Lâm Thị U, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Trường G chỉ có nghĩa vụ thanh toán trong phạm vi tài sản do ông Nguyễn Văn H để lại.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lâm Thị U, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Trường G cùng có nghĩa vụ chịu 38.230.800 đồng;

Hoàn trả cho Quỹ Tín dụng Nhân dân T tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.379.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009429 ngày 9-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kim Nhân**

